

Số: 1646/QĐ-TCTDTT Hà Nội, ngày 24 tháng 12 năm 2014

QUYẾT ĐỊNH

Về việc ban hành Luật thi đấu Bóng chuyền hơi

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC THỂ DỤC THỂ THAO

Căn cứ Quyết định số 22/2014/QĐ-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Tổng cục Thể dục thể thao trực thuộc Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Thể dục thể thao quần chúng,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo quyết định này Luật thi đấu Bóng chuyền hơi gồm 2 phần, 7 chương và 26 điều.

Điều 2. Luật thi đấu Bóng chuyền hơi được áp dụng thống nhất tại các cuộc thi đấu Bóng chuyền hơi trong toàn quốc.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 4. Chánh văn phòng, Vụ trưởng Vụ Thể dục thể thao quần chúng, Thủ trưởng các vụ, đơn vị trực thuộc Tổng cục Thể dục thể thao, các tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG**

Phạm Văn Tuấn

(đã ký)

LUẬT THI ĐẤU BÓNG CHUYỀN HƠI

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1646/QĐ-TCTDTT
ngày 24 tháng 12 năm 2014 của Tổng cục trưởng
Tổng cục Thể dục thể thao)*

ĐẶC ĐIỂM MÔN BÓNG CHUYỀN HƠI

Là môn thể thao thi đấu giữa hai đội chơi trên một sân có lưới phân cách ở giữa. Có nhiều hình thức chơi cho từng trường hợp cụ thể phù hợp với tất cả mọi người, đặc biệt đối với người trung cao tuổi. Tập luyện môn bóng chuyền hơi thường xuyên không chỉ có lợi cho sức khỏe mà còn mang đến cho người tập một tinh thần thoải mái, từ đó cải thiện được chức năng hệ thống hô hấp, tuần hoàn, tiêu hóa, tăng cường sức mạnh và tính linh hoạt của hệ thống khớp xương và cơ bắp.

Điểm nổi bật của bóng chuyền hơi là sân tập luyện đơn giản, diện tích sân nhỏ, phù hợp với mọi địa hình, là môn thể thao dễ tập luyện, thu hút nhiều người cùng tham gia, chi phí ít tốn kém.

Phần I. THI ĐẤU

CHƯƠNG I

SÂN BÀI VÀ DỤNG CỤ THI ĐẤU

Điều 1. Sân thi đấu

Khu vực thi đấu gồm sân thi đấu và khu tự do, sân thi đấu phải là hình chữ nhật.

1.1. Kích thước (Hình 1)

Sân thi đấu hình chữ nhật, kích thước 12m x 6m, xung quanh là khu tự do rộng ít nhất 2m về tất cả mọi phía.

Khoảng không tự do là khoảng không gian trên khu sân đấu, không có vật cản, chiều cao tối thiểu 5m tính từ mặt sân.

1.2. Mặt sân (Hình 1)

1.2.1. Mặt sân phẳng, ngang bằng và đồng nhất. Mặt sân không có bất kỳ nguy hiểm nào gây chấn thương cho vận động viên. Cấm thi đấu trên mặt sân gồ ghề hoặc trơn.

1.2.2. Mặt sân thi đấu trong nhà phải có màu sáng.

1.2.3. Độ dốc thoát nước (đối với sân ngoài trời) cho phép của mặt sân là 5mm/m. Cấm dùng các vật liệu cứng để làm các đường giới hạn trên sân.

1.3. Các đường trên sân (Hình 1)

1.3.1. Bề rộng các đường trên sân là 5cm có màu sáng khác với màu sân và bất kỳ đường kẻ nào khác.

1.3.2. Các đường biên.

Hai đường biên dọc và hai đường biên ngang giới hạn sân đấu. Các đường này nằm trong phạm vi kích thước sân đấu.

1.3.3. Đường giữa sân.

Đường giữa sân chia sân đấu ra làm hai phần bằng nhau, mỗi phần 6m x 6m. Đường này chạy dưới lưới nối hai đường biên dọc với nhau.

1.3.4. Đường tấn công .

Mỗi bên sân có một đường tấn công được kẻ song song với đường giữa sân tính từ mép sau đường tấn công tới trục của đường giữa là 2m, để giới hạn khu trước (khu tấn công).

Đường tấn công được kéo dài thêm từ các đường biên dọc 3 vạch ngắn quãng, mỗi vạch dài 15cm, rộng 5cm, cách nhau 20cm và tổng độ dài là 105cm.

Đối với các cuộc thi đấu chính thức toàn quốc, “Đường giới hạn của HLV” (là những vạch ngắt quãng được nối từ đường tấn công kéo dài tới đường biên ngang kéo dài của sân đấu, song song với đường biên dọc và cách biên dọc 105cm) được tạo bởi các vạch ngắt quãng dài 15cm cách nhau 20cm đánh dấu giới hạn khu hoạt động của HLV.

1.4. Các khu trên sân (Hình 2)

1.4.1. Khu trước.

Mỗi bên sân, khu trước được giới hạn từ trục giữa của đường giữa sân tới mép sau của đường tấn công.

Khu trước được mở rộng từ mép ngoài đường biên dọc tới hết khu tự do.

1.4.2. Khu phát bóng.

Khu phát bóng có bề rộng 6m nằm sau mỗi đường biên ngang.

Khu phát bóng được giới hạn bởi hai vạch dài 15cm vuông góc với đường biên ngang, cách phía sau đường biên ngang 20cm và được coi là phần kéo dài của đường biên dọc. Cả hai vạch này đều thuộc khu phát bóng.

Chiều sâu khu phát bóng được kéo dài đến hết khu tự do.

1.4.3. Khu thay người.

Khu thay người được giới hạn bởi sự kéo dài của hai đường tấn công đến bàn thư ký.

1.4.4. Khu khởi động.

Ở mỗi góc sân của khu tự do có một khu khởi động kích thước 3m x 3m.

1.4.5. Khu phạt.

Mỗi bên sân ở khu tự do, trên đường kéo dài của đường biên ngang, ở sau ghế ngồi của mỗi đội có 1 khu phạt kích thước 01m x 01m đặt được hai ghế giới hạn bằng các vạch đỏ rộng 5cm.

Điều 2. Lưới và cột lưới (Hình 3)

2.1. Chiều cao của lưới

2.1.1. Lưới được căng ngang trên đường giữa sân. Chiều cao mép trên của lưới nam là 2,20m và của nữ là 2m.

2.1.2. Chiều cao của lưới phải được đo ở giữa sân. Hai đầu lưới ở trên đường biên dọc phải cao bằng nhau và không cao hơn chiều cao quy định 2cm.

2.2. Cấu tạo

Lưới màu sẫm, dài 7,5m – 8m, rộng 1m, đan thành các mắt lưới hình vuông mỗi cạnh 10cm.

Viền suốt mép trên lưới là một băng vải trắng gấp lại rộng 7cm. Hai đầu băng vải có một lỗ để luồn dây buộc vào cọc lưới.

Luồn một sợi dây cáp mềm bên trong băng vải trắng tới hai cọc lưới để căng mép trên của lưới. Hai đầu băng viền mép trên của lưới có hai lỗ và dùng hai dây để buộc vào cột giữ căng vải băng mép trên lưới.

Viền suốt mép dưới lưới là một băng vải trắng gấp lại rộng 5cm, trong luồn qua một dây buộc giữ căng phần dưới của lưới vào hai cột.

2.3. Băng giới hạn

Là hai băng trắng dài 1m, rộng 5cm đặt ở hai bên đầu lưới thẳng góc với giao điểm của đường biên dọc và đường giữa sân.

Băng giới hạn là một phần của lưới.

4. Ăng ten (Hình 4)

Ăng ten là thanh tròn dẹt đường kính 10mm dài 1,8m làm bằng sợi thủy tinh hoặc chất liệu tương tự.

Ăng ten được buộc chặt sát với mép ngoài mỗi băng giới hạn. Ăng ten được đặt đối nhau ở hai bên lưới.

Phần ăng ten cao hơn lưới 80cm, được sơn xen kẽ các đoạn màu tương phản nhau, mỗi đoạn dài 10cm, tốt nhất là màu đỏ và trắng.

Ăng ten thuộc phần của lưới và giới hạn 2 bên của khoảng không gian bóng qua trên lưới (Hình 5).

2.5. Cột lưới

2.5.1. Cột căng giữ lưới đặt ở ngoài sân cách đường biên dọc 0,50m - 1m, cao 2,30m, có thể điều chỉnh được.

2.5.2. Cột lưới tròn và nhẵn, được cố định chắc xuống đất, không dùng dây cáp giữ. Cắm cột lưới có các dụng cụ phụ trợ nguy hiểm.

Điều 3. Bóng

3.1. Các tiêu chuẩn của bóng

Bóng phải là hình cầu tròn, làm bằng cao su mềm.

Màu sắc của bóng: màu vàng hoặc màu vàng cam.

Chu vi của bóng: 78 - 80cm, trọng lượng của bóng là 180 - 200g.

3.2. Tính đồng nhất của bóng

Mọi quả bóng dùng trong một trận đấu phải có cùng chu vi, trọng lượng, áp lực, chủng loại và màu sắc.v.v.

CHƯƠNG II

NHỮNG NGƯỜI THAM GIA

Điều 4. Đội bóng

4.1. Thành phần của đội

- 4.1.1. Một đội gồm tối đa 10 vận động viên, 1 huấn luyện viên trưởng, 1 huấn luyện viên phó, một săn sóc viên và một bác sĩ.
- 4.1.2. Một vận động viên của đội là đội trưởng trên sân phải được ghi rõ trong biên bản thi đấu.
- 4.1.3. Chỉ các vận động viên đã đăng ký trong biên bản thi đấu mới được phép vào sân và thi đấu. Khi huấn luyện viên và đội trưởng đã ký vào biên bản thi đấu thì không được thay đổi thành phần đăng ký của đội.

4.2. Vị trí của đội bóng

- 4.2.1. Các vận động viên không thi đấu có thể ngồi trên ghế của đội mình hoặc đứng ở khu khởi động của đội mình.
Huấn luyện viên và những người khác của đội phải ngồi trên ghế nhưng có thể tạm thời rời chỗ.

Ghế của đội đặt ở 2 bên bàn thư ký, ngoài khu tự do.

- 4.2.2. Chỉ các thành viên của đội mới được phép ngồi trên ghế và tham gia khởi động trong thời gian trận đấu.
- 4.2.3. Các vận động viên không thi đấu trên sân có thể khởi động không bóng như sau:
 - 4.2.3.1. Trong thời gian trận đấu, các vận động viên có thể khởi động không bóng ở khu khởi động.
 - 4.2.3.2. Trong thời gian hội ý, có thể khởi động ở khu tự do sau sân của đội mình.
- 4.2.4. Khi nghỉ giữa hiệp các vận động viên có thể khởi động có bóng ở khu tự do.

4.3. Trang phục

Trang phục thi đấu của một vận động viên gồm: áo thể thao, quần đùi, tất và giày thể thao.

- 4.3.1. Áo, quần đùi và tất của toàn đội phải đồng bộ, sạch sẽ và đồng màu.
- 4.3.2. Giày phải nhẹ, mềm, đế bằng cao su hay bằng da và không có đế gót.
- 4.3.3. Áo vận động viên phải đánh số từ 01 đến 15.
 - 4.3.3.1. Số áo phải ở giữa ngực và giữa lưng. Màu sắc và độ sáng của số phải tương phản với màu sắc và độ sáng của áo.

- 4.3.3.2. Số trước ngực phải cao ít nhất là 15cm, số sau lưng ít nhất là 20cm. Nét số phải rộng tối thiểu 2cm.
- 4.3.4. Trên áo đội trưởng dưới số trước ngực phải có một vạch khác màu sắc 8 x 2cm.
- 4.3.5. Cầm vận động viên cùng đội mặc trang phục khác màu nhau hoặc áo không có số chính thức.
- 4.4. Thay đổi trang phục**
- Trọng tài thứ nhất có thể cho phép một hay nhiều vận động viên:
- 4.4.1. Thi đấu không đi giày.
- 4.4.2. Thay trang phục thi đấu bị ướt giữa hai hiệp hay sau khi thay người nhưng trang phục mới phải cùng màu, cùng kiểu và cùng số áo.
- 4.4.3. Nếu trời rét, toàn đội được mặc quần áo trình diễn để thi đấu, miễn là đồng màu, đồng kiểu, có ghi số hợp lệ.
- 4.5. Những đồ vật bị cấm**
- 4.5.1. Cầm mang các đồ vật gây chấn thương hoặc tạo trợ giúp cho vận động viên.
- 4.5.2. Vận động viên có thể mang kính cá nhân và tự chịu trách nhiệm về việc này.

Điều 5. Lãnh đạo đội

Đội trưởng và huấn luyện viên là những người chịu trách nhiệm về hành vi và kỷ luật của các thành viên trong đội.

5.1. Đội trưởng

- 5.1.1. Trước trận đấu, đội trưởng phải ký vào biên bản thi đấu và thay mặt đội bắt thăm.
- 5.1.2. Trong trận đấu, đội trưởng vào đấu là đội trưởng trên sân.

Khi đội trưởng của đội không vào sân thi đấu, huấn luyện viên hoặc bản thân đội trưởng phải chỉ định một vận động viên khác trên sân làm đội trưởng trên sân. Vận động viên này chịu trách nhiệm làm đội trưởng trên sân đến khi bị thay ra hoặc đội trưởng của đội lại vào sân thi đấu, hoặc khi hiệp đấu kết thúc.

Khi bóng ngoài cuộc, chỉ đội trưởng trên sân được quyền nói với trọng tài khi:

- 5.1.2.1. Đề nghị trọng tài giải thích hoặc làm rõ điều luật cũng như thắc mắc của đội mình. Nếu đội trưởng trên sân không đồng ý với giải thích của trọng tài thứ nhất thì được khiếu nại, nhưng phải cho trọng tài thứ nhất biết việc ghi khiếu nại vào biên bản thi đấu vào lúc kết thúc trận đấu.

5.1.2.2. Có quyền đề nghị:

a. Thay đổi trang phục thi đấu.

b. Đề nghị kiểm tra lại vị trí trên sân của các đội.

c. Kiểm tra lại mặt sân, lưới, bóng,...

5.1.2.3. Đề nghị hội ý và thay người.

5.1.3. Kết thúc trận đấu, đội trưởng phải:

5.1.3.1. Cảm ơn trọng tài và ký vào biên bản công nhận kết quả trận đấu.

5.1.3.2. Đội trưởng (hoặc đội trưởng trên sân) có thể ghi vào biên bản thi đấu ý kiến khiếu nại đã báo cáo với trọng tài thứ nhất.

5.2. Huấn luyện viên

5.2.1. Trong suốt trận đấu, huấn luyện viên được chỉ đạo đội mình từ bên ngoài sân đấu. Huấn luyện viên là người quyết định đội hình thi đấu, thay người và xin hội ý. Khi thực hiện các việc này, huấn luyện viên phải liên hệ với trọng tài thứ hai.

5.2.2. Trước trận đấu, huấn luyện viên ghi và kiểm tra lại tên và số áo các cầu thủ của đội đã ghi trong biên bản rồi ký tên.

5.2.3. Trong thời gian trận đấu, huấn luyện viên:

5.2.3.1. Trước mỗi hiệp, trao phiếu báo vị trí có ký tên cho thư ký hoặc trọng tài thứ hai.

5.2.3.2. Ngồi trên ghế của đội gần bàn thư ký thứ nhất, nhưng có thể rời chỗ ngồi chốc lát.

5.2.3.3. Xin tạm dừng hội ý và thay người.

5.2.3.4. Cũng như các thành viên khác của đội huấn luyện viên có thể chỉ đạo vận động viên trên sân. Huấn luyện viên có thể đứng hoặc đi lại trong khu tự do trước ghế ngồi của đội mình tính từ đường tấn công tới khu khởi động để chỉ đạo vận động viên, nhưng không được làm ảnh hưởng hoặc trì hoãn cuộc đấu.

5.3. Huấn luyện viên phó

5.3.1. Huấn luyện viên phó ngồi trên ghế, nhưng không có quyền tham gia vào trận đấu.

5.3.2. Trường hợp huấn luyện viên trưởng phải rời khỏi đội, huấn luyện viên phó có thể làm thay nhiệm vụ nhưng phải do đội trưởng trên sân yêu cầu và phải được sự đồng ý của trọng tài thứ nhất.

CHƯƠNG III

THỂ THỨC THI ĐẤU

Điều 6. Được 1 điểm, thắng 1 hiệp và thắng 1 trận

6.1. Được một điểm

6.1.1. Đội ghi được một điểm khi:

6.1.1.1. Bóng chạm sân đối phương.

6.1.1.2. Do đội đối phương phạm lỗi.

6.1.1.3. Đội đối phương bị phạt.

6.1.2. Phạm lỗi:

Khi một đội có hành động đánh bóng sai luật hoặc phạm luật bằng hành động nào khác thì trọng tài thổi còi phạm lỗi, xét mức phạm lỗi và quyết định phạt theo luật.

6.1.2.1. Nếu hai hay nhiều lỗi xảy ra liên tiếp thì chỉ tính lỗi đầu tiên.

6.1.2.2. Nếu hai đội cùng phạm hai hoặc nhiều lỗi thì xử hai đội cùng phạm lỗi và đánh lại pha bóng đó.

6.1.3. Pha bóng và hoàn thành một pha bóng:

Một pha bóng là chuỗi các hành động đánh bóng tính từ thời điểm người phát bóng đánh chạm bóng đến khi trọng tài thổi còi "bóng chết". Một pha bóng hoàn thành là chuỗi các hoạt động đánh bóng với kết quả giành được một điểm.

6.1.3.1. Nếu đội phát bóng thắng pha bóng đó thì đội phát bóng được một điểm và xoay vòng vị trí để phát bóng.

6.1.3.2. Nếu đội đối phương đỡ phát bóng thắng pha bóng đó thì đội đó được một điểm và giành quyền phát bóng.

6.2. Thắng một hiệp

Đội thắng một hiệp (trừ hiệp thứ 3 hiệp quyết thắng) là đội được 21 điểm trước và hơn đội kia ít nhất 2 điểm. Trường hợp hòa 21- 21, phải đấu tiếp cho đến khi hơn nhau 2 điểm (21-23, 22- 24...).

6.3. Thắng một trận

6.3.1. Đội thắng một trận là đội thắng 2 hiệp.

6.3.2. Trong trường hợp hòa 1-1, hiệp quyết thắng (hiệp 3) đấu đến 15 điểm và đội thắng phải hơn ít nhất 2 điểm (khi được 8 điểm đối sân cho nhau).

6.4. Bỏ cuộc và đội hình không đủ người đấu

- 6.4.1. Nếu một đội sau khi đã được mời đến thuyết phục vẫn từ chối không đấu, đội đó bị tuyên bố bỏ cuộc và bị thua với kết quả toàn trận 0-2; mỗi hiệp 0- 21.
- 6.4.2. Nếu một đội không có lý do chính đáng để có mặt đúng giờ thi đấu thì bị tuyên bố bỏ cuộc và xử lý kết quả thi đấu như Điều 6.4.1.
- 6.4.3. Một đội bị tuyên bố không đủ đội hình thi đấu một hiệp hoặc một trận (Điều 7.3.1) thì bị thua hiệp đó hoặc trận đó. Đội đối phương được thêm đủ số điểm và số hiệp còn thiếu để thắng hiệp hoặc trận đó. Đội có đội hình không đủ người đấu bị giữ nguyên số điểm và kết quả các hiệp trước.

Điều 7. Tổ chức trận đấu

7.1. Bắt thăm

Trước trận đấu, trọng tài thứ nhất cho bắt thăm để chọn quyền ưu tiên đội nào phát bóng trước và đội nào chọn sân ở hiệp thứ nhất.

Nếu thi đấu hiệp thứ 3, phải tiến hành bắt thăm lại.

- 7.1.1. Tiến hành bắt thăm với sự có mặt của hai đội trưởng hai đội.
- 7.1.2. Đội thắng khi bắt thăm được chọn một trong hai:

- 7.1.2.1. Quyền phát bóng hoặc đỡ phát bóng.
- 7.1.2.2. Hoặc chọn sân, đội thua lấy phần còn lại.
- 7.1.3. Nếu hai đội khởi động riêng, đội nào phát bóng trước được khởi động trên lưới trước.

7.2. Vị trí khởi động

- 7.2.1. Trước trận đấu, nếu hai đội đã khởi động tại sân phụ thì được cùng khởi động với lưới là 6 phút; nếu chưa khởi động tại sân phụ có thể là 10 phút.
- 7.2.2. Nếu (cả) hai đội trưởng yêu cầu khởi động riêng với lưới thì thời gian cho mỗi đội khởi động là 3 hoặc 5 phút.

7.3. Đội hình thi đấu của đội

- 7.3.1. Mỗi đội phải luôn có 5 vận động viên khi thi đấu.
Đội hình thi đấu ban đầu chỉ rõ trật tự xoay vòng của các vận động viên trên sân. Trật tự này phải giữ đúng suốt hiệp đấu.
- 7.3.2. Trước hiệp đấu, huấn luyện viên của đội phải ghi đội hình của đội vào phiếu báo vị trí và ký vào phiếu, sau đó đưa cho trọng tài thứ hai hoặc thư ký.
- 7.3.3. Các vận động viên không có trong đội hình thi đấu đầu tiên của hiệp đó là vận động viên dự bị.

- 7.3.4. Khi đã nộp phiếu báo vị trí cho trọng tài thứ hai hoặc thư ký thì không được phép thay đổi đội hình trừ việc thay người thông thường.
- 7.3.5. Giải quyết sự khác nhau giữa vị trí của vận động viên trên sân và phiếu báo vị trí.
 - 7.3.5.1. Trước khi bắt đầu hiệp đấu nếu phát hiện có sự khác nhau giữa vị trí vận động viên trên sân với phiếu báo vị trí thì các vận động viên phải trở về đúng vị trí như phiếu báo vị trí ban đầu mà không bị phạt.
 - 7.3.5.2. Nếu trước khi bắt đầu hiệp đấu phát hiện một vận động viên trên sân không được ghi ở phiếu báo vị trí của hiệp đó thì vận động viên này phải thay bằng vận động viên đã ghi ở phiếu báo vị trí mà không bị phạt.
 - 7.3.5.3. Tuy nhiên, nếu huấn luyện viên muốn giữ vận động viên không ghi trong phiếu báo vị trí ở lại trên sân, thì huấn luyện viên có thể xin thay thông thường và ghi vào biên bản thi đấu. Nếu sự khác nhau giữa vị trí vận động viên trên sân với phiếu báo vị trí được phát hiện sau đó, đội phạm lỗi phải trở lại đúng vị trí. Tất cả điểm ghi được từ thời điểm phạm lỗi đến thời điểm phát hiện bị xóa bỏ, điểm của đội đối phương vẫn được giữ nguyên với một điểm và phát bóng cho đối phương.

7.4. Vị trí

Ở thời điểm vận động viên phát bóng đánh chạm bóng thì trừ vận động viên này, các vận động viên của mỗi đội phải đứng trong sân của mình và đúng vị trí trên sân theo đúng trật tự xoay vòng.

- 7.4.1. Vị trí của các vận động viên được xác định đánh số như sau:
 - 7.4.1.1. Ba vận động viên đứng dọc theo lưới là những vận động viên hàng trước: vị trí số 4 (trước bên trái), số 3 (trước giữa) và số 2 (trước bên phải).
 - 7.4.1.2. Hai vận động viên còn lại là các vận động viên hàng sau: Vị trí số 5 (sau trái) và số 1 (sau bên phải).
- 7.4.2. Quan hệ vị trí giữa các vận động viên:

Mỗi vận động viên hàng sau phải đứng xa lưới hơn bất kỳ người hàng trước nào, các vận động viên hàng trước không được đứng dưới hai vận động viên hàng sau.
- 7.4.3. Xác định và kiểm tra vị trí các vận động viên bằng vị trí bàn chân chạm đất như sau:
 - 7.4.3.1. Mỗi vận động viên hàng trước phải có ít nhất một phần bàn chân gần đường giữa sân hơn chân của vận động viên hàng sau.

7.4.3.2. Ở hàng trên, mỗi vận động viên ở bên phải (bên trái) phải có ít nhất một phần bàn chân gần đường biên dọc bên phải (trái) hơn chân của vận động viên đứng giữa cùng hàng của mình. Ở hàng dưới, vận động viên ở bên phải (bên trái) phải có ít nhất một phần bàn chân gần đường biên dọc bên phải (trái) hơn chân của vận động viên cùng hàng.

7.4.4. Khi bóng đã phát đi, các vận động viên có thể di chuyển và đứng ở bất kỳ vị trí nào trên sân của mình và khu tự do.

7.5. Lỗi sai vị trí

7.5.1. Một đội phạm lỗi sai vị trí: khi vào thời điểm người phát bóng đánh chạm bóng có bất kỳ vận động viên nào đứng không đúng vị trí.

7.5.2. Nếu lỗi sai vị trí xảy ra lúc vận động viên phát bóng phạm lỗi phát bóng đúng lúc đánh phát bóng đi thì phạt lỗi phát bóng trước lỗi sai vị trí.

7.5.3. Nếu vận động viên phát bóng phạm lỗi sau khi phát bóng và có lỗi sai vị trí trước thì bắt lỗi sai vị trí trước.

7.5.4. Phạt lỗi sai vị trí như sau:

7.5.4.1. Đội phạm lỗi bị xử thua pha bóng đó, bị phạt một điểm và phát bóng cho đối phương.

7.5.4.2. Các vận động viên phải đứng lại đúng vị trí của mình.

7.6. Xoay vòng

7.6.1. Thứ tự xoay vòng theo đội hình đăng ký đầu mỗi hiệp, và theo đó để kiểm tra trật tự phát bóng và vị trí các vận động viên trong suốt hiệp đấu.

7.6.2. Khi đội đỡ phát bóng giành được quyền phát bóng, các vận động viên của đội phải xoay một vị trí theo chiều kim đồng hồ: vận động viên ở vị trí số 2 chuyển xuống vị trí số 1 để phát bóng, vận động viên ở vị trí số 1 chuyển sang vị trí số 5.

7.7. Lỗi thứ tự xoay vòng

7.7.1. Khi phát bóng phạm lỗi xoay vòng không đúng thứ tự xoay vòng, phạt như sau:

7.7.1.1. Đội bị phạt với một điểm và phát bóng cho đối phương.

7.7.1.2. Các vận động viên phải trở lại đúng vị trí của mình.

7.7.2. Thư ký phải xác định được thời điểm phạm lỗi, hủy bỏ tất cả các điểm thắng của đội phạm lỗi từ thời điểm phạm lỗi. Điểm của đội kia vẫn giữ nguyên.

Nếu không xác định được thời điểm phạm lỗi sai thứ tự phát bóng thì không xóa điểm của đội phạm lỗi chỉ phạt với một điểm và phát bóng cho đối phương.

CHƯƠNG IV

HOẠT ĐỘNG THI ĐẤU

Điều 8. Trạng thái thi đấu

8.1. Bóng trong cuộc

Bóng trong cuộc tính từ lúc trọng tài thứ nhất thổi còi cho phép phát bóng, người phát đánh chạm bóng đi.

8.2. Bóng ngoài cuộc (bóng chết)

Bóng ngoài cuộc tính từ thời điểm một trong hai trọng tài thổi còi bắt lỗi. Không tính phạm lỗi tiếp sau tiếng còi đã bắt lỗi của trọng tài.

8.3. Bóng trong sân

Bóng trong sân là khi bóng chạm sân đấu kể cả các đường biên.

8.4. Bóng ngoài sân

Bóng ngoài sân khi:

8.4.1. Một phần bóng chạm sân hoàn toàn ngoài các đường biên.

8.4.2. Bóng chạm vật ngoài sân, chạm trần nhà hay người ngoài đội hình thi đấu trên sân.

8.4.3. Bóng chạm ăngten, chạm dây buộc lưới, cột lưới hay phần lưới ngoài băng giới hạn (Hình 4).

8.4.4. Khi bóng bay qua mặt phẳng đứng dọc lưới mà 1 phần hay toàn bộ quả bóng lại ngoài không gian bóng qua của lưới, trừ trường hợp Điều 10.1.1 (Hình 4).

8.4.5. Toàn bộ quả bóng bay qua khoảng không dưới lưới (Hình 4).

Điều 9. Động tác chơi bóng

Mỗi đội phải thi đấu trong khu sân đấu và phần không gian của mình (trừ Điều 10.1.2). Tuy nhiên có thể cứu bóng từ ngoài khu tự do.

9.1. Số lần chạm bóng của một đội

Một đội có quyền chạm bóng tối đa 3 lần (không kể chấn bóng) để đưa bóng sang sân đối phương. Nếu thực hiện quá 3 lần chạm bóng, đội đó phạm lỗi: đánh bóng 4 lần.

9.1.1. Chạm bóng liên tiếp

Một vận động viên không được đánh chạm bóng hai lần liên tiếp.

9.1.2. Cùng chạm bóng: Hai hoặc ba vận động viên có thể chạm bóng trong cùng một thời điểm.

9.1.2.1. Khi hai (hoặc ba) vận động viên của đội cùng chạm bóng thì tính hai (hoặc ba) lần chạm bóng (trừ chấn bóng). Nếu hai (hoặc ba) vận động viên cùng đến gần bóng nhưng chỉ có một người chạm bóng thì tính một lần chạm.

Các vận động viên va vào nhau không coi là phạm lỗi.

9.1.2.2. Nếu vận động viên của hai đội cùng chạm bóng trên lưới và bóng còn trong cuộc thì đội đỡ bóng được chạm tiếp 3 lần nữa. Nếu bóng ra ngoài sân bên nào, thì đội bên kia phạm lỗi.

9.1.2.3. Nếu vận động viên của hai đội cùng đánh chạm giữ bóng trên lưới thì tính hai bên cùng phạm lỗi và đánh lại pha bóng đó.

9.1.3. Hỗ trợ đánh bóng: Trong khu thi đấu, vận động viên không được phép lợi dụng sự hỗ trợ của đồng đội hoặc bất cứ vật gì để giúp chạm tới bóng.

Tuy nhiên, khi một vận động viên sắp phạm lỗi (chạm lưới hoặc qua vạch giữa sân...) thì đồng đội có thể giữ lại hoặc kéo trở về sân mình.

9.2. Tính chất chạm bóng

9.2.1. Bóng có thể chạm mọi phần của thân thể.

9.2.2. Bóng phải được đánh đi không dính, không ném vút, không được giữ lại. Bóng có thể nảy ra theo bất cứ hướng nào.

9.2.3. Bóng có thể chạm nhiều phần thân thể nhưng phải liên cùng một lúc.

Trường hợp ngoại lệ:

9.2.3.1. Khi chấn bóng, một hay nhiều cầu thủ chấn bóng có thể chạm bóng liên tục miễn là những lần chạm đó phải xảy ra trong cùng một hành động.

9.2.3.2. Ở lần chạm bóng đầu tiên của một đội, bóng có thể chạm liên tiếp nhiều phần khác nhau của thân thể miễn là những lần chạm đó phải xảy ra trong cùng một hành động.

9.3. Lỗi đánh bóng

9.3.1. Bốn lần chạm bóng: Một đội chạm bóng 4 lần trước khi đưa bóng qua lưới.

9.3.2. Hỗ trợ đánh bóng: Một vận động viên trong khu sân đấu lợi dụng đồng đội hoặc bất kỳ vật gì để chạm tới bóng.

9.3.3. Giữ bóng (dính bóng): Vận động viên đánh bóng không dứt khoát, bóng bị giữ lại hoặc ném vút đi.

- 9.3.4. Chạm bóng hai lần: Một vận động viên đánh bóng hai lần nối tiếp nhau hoặc bóng chạm lần lượt nhiều phần khác nhau của cơ thể.

Điều 10. Bóng ở lưới

10.1. Bóng qua lưới

- 10.1.1. Bóng đánh sang sân đối phương phải đi qua khoảng không bóng qua trên lưới (Hình 4).

Khoảng không bóng qua trên lưới là phần của mặt phẳng thẳng đứng của lưới được giới hạn bởi:

- 10.1.1.1. Mép trên của lưới.

- 10.1.1.2. Phần trong hai cột ăng ten và phần kéo dài tương tự của chúng.

- 10.1.1.3. Thấp hơn trần nhà.

- 10.1.2. Quả bóng đã bay qua mặt phẳng của lưới tới khu tự do của sân đối phương mà hoàn toàn hoặc một phần bóng bay qua ngoài không gian bên ngoài lưới thì có thể đánh trở lại trong số lần đánh bóng của đội với điều kiện:

- 10.1.2.1. Vận động viên của một bên sân cứu bóng không chạm sân đối phương.

- 10.1.2.2. Quả bóng khi đánh trở lại phải cắt mặt phẳng của lưới hoàn toàn hoặc một phần bóng bay qua ngoài không gian bên ngoài lưới cùng một

bên sân. Đội đối phương không được ngăn cản hành động này.

10.2. Bóng chạm lưới

Khi qua lưới bóng có thể chạm lưới.

10.3. Bóng ở lưới

- 10.3.1. Bóng đánh vào lưới bật ra có thể đỡ tiếp nếu đội đó chưa quá 3 lần chạm bóng.

- 10.3.2. Nếu bóng làm rách mắt lưới hoặc giật lưới chùng xuống thì xóa bỏ pha bóng đó và đánh lại.

Điều 11. Vận động viên ở gần lưới

11.1. Qua trên lưới

- 11.1.1. Khi chắn bóng, vận động viên có thể chạm bóng bên sân đối phương, nhưng không được cản trở đối phương trước hoặc trong khi họ đập bóng.

- 11.1.2. Sau khi vận động viên đập bóng, bàn tay được phép qua trên lưới nhưng phải chạm bóng ở không gian bên sân mình.

11.2. Qua dưới lưới

- 11.2.1. Được phép qua không gian dưới lưới sang sân đối phương, nhưng không được cản trở đối phương thi đấu.

- 11.2.2. Xâm nhập sân đối phương qua vạch giữa.
- 11.2.2.1. Được phép cùng lúc một hay hai bàn chân (hoặc một hay hai bàn tay) chạm sân đối phương, nhưng ít nhất còn một phần của một hay hai bàn chân (hoặc một hay hai bàn tay) vẫn chạm hoặc vẫn ở trên đường giữa sân.
- 11.2.2.2. Tất cả các bộ phận cơ thể từ phía trên của bàn chân được phép chạm sân đối phương miễn là một phần của một hoặc hai bàn chân vẫn chạm vạch hoặc vẫn ở trên đường giữa sân.
- 11.2.3. Vận động viên có thể sang sân đối phương sau khi bóng ngoài cuộc.
- 11.2.4. Vận động viên có thể xâm nhập vùng tự do bên sân đối phương nhưng không được cản trở đối phương chơi bóng.
- 11.3. Chạm lưới**
- 11.3.1. Vận động viên chạm lưới là phạm lỗi
- Các hành động đánh bóng gồm cả các động tác đánh không chạm bóng.
- 11.3.2. Sau khi đã đánh bóng, vận động viên có thể chạm cột lưới, dây cáp hoặc các vật bên ngoài chiều dài của lưới, nhưng không được ảnh hưởng đến trận đấu.

- 11.3.3. Bóng đánh vào lưới làm lưới chạm vận động viên đối phương thì không phạt lỗi.
- 11.4. Lỗi của vận động viên ở lưới**
- 11.4.1. Vận động viên chạm bóng hoặc chạm đối phương ở không gian đối phương trước hoặc trong khi đối phương đánh bóng.
- 11.4.2. Vận động viên xâm nhập không gian dưới lưới của đối phương cản trở đối phương thi đấu.
- 11.4.3. Một hoặc hai bàn chân của vận động viên xâm nhập hoàn toàn sang sân đối phương.
- 11.4.4. Vận động viên làm ảnh hưởng đến thi đấu của đối phương (những trường hợp sau):
- Chạm băng giới hạn trên của lưới hoặc 80cm của Ăngten trong hành động đánh bóng.
 - Hỗ trợ từ lưới cùng lúc với đánh bóng.
 - Tạo ra sự thuận lợi hơn đối phương.
 - Cản trở sự xâm nhập hợp lệ đánh bóng của đối phương.

Điều 12. Phát bóng (Hình 5)

Phát bóng là hành động đưa bóng vào cuộc của vận động viên bên phải hàng sau đứng trong khu phát bóng.

- 12.1. Quả phát bóng đầu tiên của hiệp

- 12.1.1. Quả phát bóng đầu tiên của hiệp 1 và 3 do bắt thăm của đội quyết định.
- 12.1.2. Đội phát bóng đầu tiên ở hiệp thứ hai là đội không được phát bóng ở hiệp thứ nhất
- 12.2. Trật tự phát bóng**
- 12.2.1. Các vận động viên phải phát bóng theo trật tự ghi trong phiếu báo vị trí.
- 12.2.2. Sau quả phát bóng đầu tiên của một hiệp, phát bóng của vận động viên được quyết định như sau:
- 12.2.2.1. Nếu đội phát bóng thắng pha bóng đó thì đội phát bóng được một điểm và vận động viên trên sân phải xoay vị trí theo chiều kim đồng hồ, vận động viên mới chuyển đến khu số 01 thực hiện lần phát bóng này. Mỗi lần phát bóng chỉ được phát 01 lần.
- 12.2.2.2. Nếu đội đỡ bóng thắng pha bóng đó, thì đội đó giành quyền phát bóng và phải xoay vòng trước khi phát bóng; Vận động viên bên phải hàng trên, chuyển xuống bên phải hàng sau để phát bóng.
- 12.3. Ra lệnh phát bóng**
- Trọng tài thứ nhất thổi còi ra lệnh phát bóng sau khi kiểm tra thấy hai đội đã sẵn sàng thi đấu và vận động viên phát bóng đã cầm bóng.

12.4. Thực hiện phát bóng

- 12.4.1. Vận động viên thực hiện phát bóng bằng một tay hoặc bất cứ phần nào của cánh tay sau khi đã tung hoặc để rời bóng khỏi bàn tay.
- 12.4.2. Chỉ được tung hay để bóng rời tay một lần. Được phép đập bóng, chuyển động bóng trong tay.
- 12.4.3. Lúc phát bóng, vận động viên phát bóng có thể chạy lấy đà phát bóng hay nhảy phát bóng nhưng vận động viên phát bóng không được chạm sân đấu (kể cả đường biên ngang) hoặc chạm vùng sân ngoài khu phát bóng.
- Sau khi đánh bóng, vận động viên có thể giẫm vạch, bước vào trong sân hoặc ngoài khu phát bóng.
- 12.4.4. Vận động viên phải phát bóng đi trong vòng 8 giây sau tiếng còi của trọng tài thứ nhất.
- 12.4.5. Phát bóng trước tiếng còi của trọng tài thứ nhất thì hủy bỏ và phải phát lại.
- 12.5. Hàng rào che phát bóng (Hình 5)**
- 12.5.1. Các vận động viên của đội phát bóng không được làm hàng rào cá nhân hay tập thể để che đối phương quan sát vận động viên phát bóng hoặc đường bay của bóng.

12.5.2. Khi phát bóng một vận động viên hay một nhóm vận động viên của đội phát bóng không được làm hàng rào che bằng cách giơ vẫy tay, nhảy lên hoặc di chuyển ngang, đứng thành nhóm che đường bay của bóng.

12.6. Lỗi trong lúc phát bóng

12.6.1. Lỗi phát bóng:

Các lỗi sau đây bị phạt đôi phát bóng kể cả khi đối phương sai vị trí:

12.6.1.1. Người phát bóng sai trật tự xoay vòng.

12.6.1.2. Không thực hiện đúng các điều kiện phát bóng.

12.6.2. Lỗi sau khi đánh phát bóng.

Sau khi bóng được đánh đi đúng động tác, quả phát đó phạm lỗi (trừ trường hợp vận động viên đứng sai vị trí khi phát bóng) nếu như:

12.6.2.1. Bóng phát đi chạm vận động viên của đội phát bóng hoặc không hoàn toàn qua mặt phẳng thẳng đứng của lưới, không gian bóng qua trên lưới.

12.6.2.2. Bóng ra ngoài sân.

12.6.2.3. Bóng phát đi bay qua trên hàng rào che chắn.

12.7. Lỗi phát bóng và lỗi sai vị trí

12.7.1. Nếu cùng lúc vận động viên phát bóng phạm lỗi phát bóng tại thời điểm đánh vào bóng (không đúng động tác, sai trật tự xoay vòng...) và đội đối phương sai vị trí thì phạt lỗi phát bóng hỏng.

12.7.2. Nếu phát bóng đúng nhưng sau đó quả phát bóng bị hỏng (ra ngoài sân, sai trật tự xoay vòng...) mà đối phương lại sai vị trí, thì phạt lỗi sai vị trí của đội đối phương vì lỗi này xảy ra trước.

Điều 13. Đánh bóng tấn công

13.1. Đánh bóng tấn công

13.1.1. Mọi hành động trực tiếp đưa bóng sang sân đối phương đều là đánh bóng tấn công, trừ phát bóng và chắn bóng.

13.1.2. Trong đánh bóng tấn công được phép bỏ nhỏ, đánh nhẹ nếu đánh bóng gọn, rõ, không dính bóng, không giữ hoặc ném, vút bóng.

13.1.3. Hoàn thành đánh bóng tấn công khi bóng đã hoàn toàn qua mặt phẳng đứng của lưới hoặc bóng chạm đối phương.

13.2. Giới hạn của đánh bóng tấn công

13.2.1. Vận động viên ở trong khu tấn công 2m không được bật nhảy đánh bóng. Bóng đánh sang sân

đối phương phải có độ vòng lên khi qua phía trên của lưới.

13.2.2. Khi vận động viên khu sau (ở sau vạch 2m) được đập bóng tấn công ở bất kỳ độ cao nào trong khu tấn công, cụ thể:

13.2.2.1. Khi giậm nhảy, một và hai bàn chân của vận động viên đó không được chạm hoặc vượt qua đường tấn công.

13.2.2.2. Đập bóng xong vận động viên có thể rơi vào khu tấn công.

13.3. Lỗi đánh bóng tấn công

13.3.1. Đánh bóng ở không gian sân đối phương.

13.3.2. Đánh bóng ra ngoài.

13.3.3. Vận động viên bật nhảy đánh bóng tấn công trong khu tấn công 2m.

13.3.4. Vận động viên không bật nhảy đánh bóng tấn công nhưng đường bóng đi sang sân đối phương không có độ vòng.

Điều 14. Chắn bóng (Hình 6)

14.1. Khái niệm

14.1.1. Chắn bóng là hành động của các vận động viên ở gần lưới chặn quả bóng từ sân đối phương sang bằng cách giơ với tay cao hơn mép trên

của lưới. Chỉ các vận động viên hàng trên được phép hoàn thành chắn bóng nhưng tại thời điểm chạm bóng một phần của cơ thể phải cao hơn mép trên của lưới.

14.1.2. Định chắn bóng: Là hành động chắn bóng nhưng không chạm bóng.

14.1.3. Hoàn thành chắn bóng: Chắn bóng hoàn thành khi bóng chạm tay người chắn.

14.1.4. Chắn tập thể:

Chắn bóng tập thể là hai hay ba vận động viên đứng gần nhau thực hiện chắn và hoàn thành chắn khi một trong các vận động viên đó chạm bóng.

14.2. Chắn chạm bóng

Một hay nhiều vận động viên chắn có thể chạm bóng liên tiếp (nhanh và liên tục), nhưng những lần chạm đó phải trong cùng một hành động.

14.3. Chắn bóng bên không gian sân đối phương

Khi chắn bóng, vận động viên có thể đưa bàn tay và cánh tay của mình qua trên lưới sang sân đối phương, nhưng hành động đó không được cản trở đối phương đánh bóng. Không được phép chạm bóng bên kia lưới trước khi đối phương thực hiện đánh bóng tấn công.

- 14.4. Chắn bóng và số lần chạm bóng của đội**
- 14.4.1. Chạm bóng trong chắn bóng không tính vào số lần chạm bóng của đội. Sau lần chắn chạm bóng này, đội được tiếp tục chạm bóng 3 lần nữa để đưa bóng sang sân đối phương.
- 14.4.2. Sau khi chắn bóng, lần chạm bóng đầu tiên có thể do bất kỳ vận động viên nào kể cả vận động viên đã chạm bóng khi chắn bóng.
- 14.5. Chắn phát bóng**
- Cấm chắn quả phát bóng của đối phương.
- 14.6. Lỗi chắn bóng**
- 14.6.1. Chắn và định chắn những quả bóng từ đối phương đánh tấn công hợp lệ ở khu 2m.
- 14.6.2. Chắn quả phát bóng của đối phương.
- 14.6.3. Bóng chạm tay chắn ra ngoài.
- 14.6.4. Chắn bóng bên không gian đối phương ngoài cọc giới hạn.

CHƯƠNG V

NGỪNG VÀ KÉO DÀI TRẬN ĐẤU

Điều 15. Ngừng trận đấu hợp lệ

Ngừng trận đấu hợp lệ gồm: Hội ý và thay người.

15.1. Số lần ngừng hợp lệ

Mỗi hiệp mỗi đội được xin ngừng tối đa 2 lần hội ý và 5 lần thay người.

15.2. Xin ngừng hợp lệ

- 15.2.1. Chỉ có huấn luyện viên trưởng và đội trưởng trên sân được phép xin ngừng trận đấu.

Xin ngừng trận đấu phải bằng ký hiệu tay, khi bóng ngoài cuộc và trước tiếng còi phát bóng của trọng tài.

- 15.2.2. Được phép xin thay người trước khi bắt đầu một hiệp nhưng phải ghi lần thay người hợp lệ này vào biên bản thi đấu của hiệp đó.

15.3. Ngừng liên tiếp

- 15.3.1. Được xin tạm ngừng để hội ý một lần hay hai lần liên và mỗi đội được xin tiếp thay người

một lần nữa mà không cần có thi đấu giữa các lần tạm ngừng đó.

- 15.3.2. Một đội bóng không được xin thay người nhiều lần liên tiếp, có thể thay hai hay nhiều vận động viên trong cùng một lần xin thay người.

15.4. Hội ý

- 15.4.1. Thời gian một lần hội ý là 30 giây.
- 15.4.2. Trong thời gian hội ý, các vận động viên trên sân phải ra khu tự do ở gần ghế băng của đội mình.

15.5. Thay người

Thay người là hành động mà một vận động viên sau khi đã được thư ký ghi lại, vào sân thay thế vị trí cho một vận động viên khác phải rời sân. Thay người phải được phép của trọng tài.

15.6. Giới hạn thay người

- 15.6.1. Một hiệp mỗi đội được thay người tối đa 5 lần. Cùng một lần có thể thay một hay nhiều vận động viên.
- 15.6.2. Một vận động viên của đội hình chính thức có thể được thay ra sân và lại thay vào sân, nhưng trong một hiệp chỉ được một lần và phải vào

đúng vị trí của mình trong đội hình đã đăng ký ở phiếu báo vị trí.

- 15.6.3. Một vận động viên dự bị được vào sân thay cho một vận động viên chính thức 1 lần trong 1 hiệp, nhưng chỉ được thay ra bằng chính vận động viên chính thức đã thay.

15.7. Thay người ngoại lệ

Khi một vận động viên đang đấu trên sân bị chấn thương không thể thi đấu tiếp phải thay người hợp lệ. Trường hợp không thể thay người hợp lệ thì đội đó được thay người ngoại lệ ngoài giới hạn của Điều 15.6.

Thay người ngoại lệ nghĩa là bất cứ vận động viên nào không có trên sân lúc xảy ra chấn thương hay vận động viên thay cho người đó có thể vào thay vận động viên bị thương. Vận động viên dự bị bị chấn thương đã thay ra không được phép vào sân thi đấu ở trận đó nữa.

Trong mọi trường hợp thay người ngoại lệ đều không được tính là thay người thông thường.

15.8. Thay người bắt buộc

Một vận động viên bị phạt đuổi ra sân hoặc bị truất quyền thi đấu thì phải thay người hợp lệ. Nếu không thực hiện được, thì đội đó bị tuyên bố đội hình không đủ người.

15.9. Thay người không hợp lệ

15.9.1. Thay người không hợp lệ là vượt quá giới hạn thay người theo Điều 15.6 (trừ trường hợp Điều 15.7).

15.9.2. Trong trường hợp một đội thay người không hợp lệ mà cuộc đấu đã tiếp tục thì xử lý như sau:

15.9.2.1. Đội bị phạt thua pha bóng đó.

15.9.2.2. Sửa lại việc thay người.

15.9.2.3. Hủy bỏ những điểm đội đó giành được từ khi phạm lỗi, giữ nguyên điểm của đội đối phương.

15.10. Trình tự thay người

15.10.1. Phải thực hiện thay người trong khu thay người.

15.10.2. Thời gian của một lần thay người là khoảng thời gian cần thiết để ghi vào biên bản thi đấu và cho vận động viên vào - ra.

15.10.3. Vào lúc xin thay người, vận động viên vào thay phải đứng ở khu thay người và sẵn sàng vào sân.

Không làm đúng như vậy, thì không được phép thay người và đội đó bị phạt lỗi trì hoãn.

15.10.4. Nếu huấn luyện viên muốn thay nhiều vận động viên trong một lần thì phải ra ký hiệu số người xin thay ở lần thay đó. Trong trường

hợp này phải thực hiện thay người lần lượt từng cặp vận động viên một.

15.11. Xin ngừng không hợp lệ

15.11.1. Xin ngừng không hợp lệ trong những trường hợp sau:

15.11.1.1. Khi bóng trong cuộc hoặc sau tiếng còi phát bóng của trọng tài.

15.11.1.2. Do thành viên không có quyền xin ngừng của đội.

15.11.1.3. Trước khi trận đấu tiếp tục, đội đó lại xin thay người nữa mà chưa qua một pha bóng.

15.11.1.4. Xin ngừng hội ý hay thay người quá số lần qui định.

15.11.2. Lần xin ngừng không hợp lệ thứ nhất không gây ảnh hưởng hoặc kéo dài trận đấu thì không bị xử phạt.

15.11.3. Nếu lặp lại việc xin tạm ngừng không hợp lệ trong cùng 1 trận đấu bị phạt lỗi trì hoãn trận đấu.

Điều 16. Trì hoãn trận đấu

16.1. Các hình thức trì hoãn

Hành động không đúng của một đội cố tình kéo dài trận đấu là lỗi trì hoãn trận đấu, gồm các trường hợp sau:

- 16.1.1. Kéo dài lần thay người.
- 16.1.2. Kéo dài các lần tạm ngừng sau khi đã có lệnh tiếp tục trận đấu.
- 16.1.3. Xin thay người không hợp lệ.
- 16.1.4. Tái phạm xin ngừng không hợp lệ.
- 16.1.5. Thành viên của đội trì hoãn trận đấu.
- 16.2. Phạt lỗi trì hoãn trận đấu**
- 16.2.1. "Cảnh cáo lỗi trì hoãn" hoặc "Phạt lỗi trì hoãn" được tính cho toàn đội.
- 16.2.1.1. Phạt lỗi trì hoãn có giá trị trong toàn bộ trận đấu.
- 16.2.1.2. Ghi tất cả các lỗi phạt trì hoãn vào biên bản thi đấu.
- 16.2.2. Thành viên của đội phạm lỗi trì hoãn đầu tiên bị phạt "Cảnh cáo" trì hoãn thi đấu.
- 16.2.3. Bất cứ thành viên nào của đội trong cùng một trận phạm lỗi trì hoãn lần thứ hai và những lần tiếp theo với bất kỳ hình thức nào đều bị phạt lỗi trì hoãn thua pha bóng đó (một điểm và phát bóng cho đối phương).
- 16.2.4. Lỗi trì hoãn xảy ra trước hay giữa 2 hiệp đấu bị phạt trong hiệp tiếp theo.

Điều 17. Các trường hợp ngừng trận đấu ngoại lệ

17.1. Chấn thương

- 17.1.1. Nếu có tai nạn nghiêm trọng xảy ra khi bóng trong cuộc, trọng tài phải dừng ngay trận đấu cho phép bác sĩ vào sân trợ giúp y tế.

Đánh lại pha bóng đó.

- 17.1.2. Nếu một vận động viên bị chấn thương không thể thay hợp lệ hoặc ngoại lệ thì cho vận động viên đó 3 phút hồi phục, nhưng một trận đấu không được quá một lần với vận động viên đó.

Nếu vận động viên không hồi phục được thì đội đó bị tuyên bố đội hình thi đấu không đủ người.

17.2. Trở ngại bên ngoài

Nếu có bất kỳ trở ngại bên ngoài nào khi đang thi đấu thì phải ngừng ngay và đánh lại pha bóng đó.

17.3. Các gián đoạn kéo dài

- 17.3.1. Nếu xảy ra tình huống bất ngờ làm gián đoạn trận đấu thì trọng tài thứ nhất, ban tổ chức và giám sát dù chỉ có mặt một thành phần vẫn phải quyết định biện pháp cần thiết để trận đấu tiếp tục bình thường.

- 17.3.2. Tổng thời gian của một hay nhiều lần ngừng trận đấu không vượt quá 2 giờ.

17.3.2.1. Nếu trận đấu vẫn tiếp tục trên sân cũ, hiệp đấu gián đoạn sẽ được tiếp tục bình thường, giữ nguyên tỷ số, vận động viên và vị trí trên sân. Kết quả các hiệp trước vẫn giữ nguyên.

17.3.2.2. Nếu trận đấu tiếp tục trên sân khác, thì hủy bỏ tỷ số hiệp đấu đang đấu dở và đấu lại với đúng đội hình đã báo và số áo của đội đó. Kết quả các hiệp trước vẫn giữ nguyên.

17.3.3. Tổng thời gian của một hay nhiều lần ngừng trận đấu quá 2 giờ thì phải đấu lại.

Điều 18. Nghỉ giữa quãng và đổi sân

18.1. Nghỉ giữa quãng

Một lần nghỉ giữa các hiệp kéo dài 3 phút.

Trong thời gian đó tiến hành đổi sân và ghi đội hình đăng ký của đội vào biên bản thi đấu.

18.2. Đổi sân

18.2.1. Sau mỗi hiệp, các đội đổi sân, trừ hiệp quyết thắng.

18.2.2. Ở hiệp quyết thắng, khi một đội được 8 điểm, hai đội phải đổi sân ngay không được trì hoãn và giữ nguyên vị trí vận động viên.

Nếu không đổi sân đúng thời điểm quy định khi một đội được 8 điểm thì khi phát hiện phải đổi sân ngay, giữ nguyên tỷ số điểm đã đạt được khi đổi sân.

CHƯƠNG VI

HÀNH VI CỦA VẬN ĐỘNG VIÊN

Điều 19. Các yêu cầu về thái độ

19.1. Thái độ thể thao

19.1.1. Các thành viên của đội phải nắm vững và tuân theo "Luật bóng chuyền hơi".

19.1.2. Các thành viên phải tuân theo quyết định của trọng tài với thái độ thể thao, không được cãi lại trọng tài.

Nếu có thắc mắc, chỉ được yêu cầu giải thích thông qua đội trưởng trên sân.

19.1.3. Các thành viên phải kiềm chế những hành động hoặc thái độ gây ảnh hưởng tới quyết định của trọng tài hoặc che giấu lỗi của đội mình.

19.2. Tinh thần Fair-play:

19.2.1. Các thành viên phải có thái độ tôn trọng, lịch sự theo tinh thần Fair - play không chỉ với các trọng tài mà cả với các quan chức khác, với đội bạn, với đồng đội và khán giả.

- 19.2.2. Trong trận đấu các thành viên của đội được phép liên hệ với nhau.

Điều 20. Thái độ xấu và các hình phạt

20.1. Lỗi nhẹ

Mục đích xử phạt không nhằm vào các lỗi nhẹ. Trách nhiệm của trọng tài thứ nhất là ngăn chặn các đội không mắc lỗi để bị phạt bằng cách dùng lời nói hoặc hiệu tay nhắc nhở đội đó thông qua đội trưởng của đội. Nhắc nhở thì không phạt lỗi, không có hậu quả trực tiếp ngay và không ghi vào biên bản thi đấu.

20.2. Thái độ hành vi xấu và xử phạt

Thái độ hành vi xấu của thành viên đội bóng đối với các quan chức, đối phương, đồng đội hoặc khán giả được chia làm 3 mức:

- 20.2.1. Vô lễ: Hành động ngang ngược trái với các nguyên tắc đạo đức và thói quen văn hoá hoặc tỏ thái độ coi thường.
- 20.2.2. Xúc phạm: Phỉ báng hoặc có lời nói hay cử chỉ lăng mạ.
- 20.2.3. Gây gỗ: Xâm phạm thân thể hoặc cố ý gây sự.

20.3. Các mức phạt

Theo phán quyết của trọng tài thứ nhất và mức độ nghiêm trọng của thái độ hành vi xấu để phạt lỗi và ghi vào biên bản thi đấu như sau:

20.3.1. Phạt lỗi

Bất kỳ thành viên nào của đội trong một trận phạm lỗi vô lễ lần đầu đều bị xử phạt thua pha bóng đó (một điểm và phát bóng cho đối phương).

20.3.2. Đuổi ra sân

20.3.2.1. Thành viên của đội bị phạt đuổi ra sân không được thi đấu tiếp phần còn lại của hiệp đó và phải ngồi tại ghế của khu phạt ở sau ghế của đội mình và không bị phạt thêm nào khác.

Huấn luyện viên bị phạt đuổi ra sân thì không được quyền tham gia gì vào hiệp đấu đó và phải ngồi vào khu phạt.

20.3.2.2. Thành viên của đội phạm lỗi xúc phạm lần đầu bị xử phạt đuổi ra sân và không bị phạt thêm gì khác.

20.3.2.3. Thành viên nào của cùng một đội phạm lỗi vô lễ lần thứ hai trong cùng một trận đấu thì bị phạt đuổi ra sân và không bị phạt thêm gì khác.

20.3.3. Truất quyền thi đấu

- 20.3.3.1. Thành viên nào của đội bị phạt truất quyền thi đấu phải rời khỏi khu thi đấu trong toàn bộ phần còn lại của trận đấu mà không bị phạt thêm gì khác.
- 20.3.3.2. Phạm lỗi gây gỗ lần thứ nhất bị phạt truất quyền thi đấu và không bị phạt thêm gì khác.
- 20.3.3.3. Trong cùng một trận đấu cùng một thành viên của đội phạm lỗi xúc phạm lần thứ hai thì bị phạt truất quyền thi đấu và không phạt thêm gì khác.
- 20.3.3.4. Cùng một thành viên của đội trong cùng một trận đấu phạm lỗi vô lễ lần thứ ba thì bị phạt truất quyền thi đấu và không bị phạt thêm gì khác.
- 20.4. Xử phạt lỗi thái độ hành vi xấu (Hình 7)**
- 20.4.1. Các lỗi phạt thái độ hành vi xấu là phạt cá nhân nhưng có hiệu lực trong toàn trận và phải ghi vào biên bản thi đấu.
- 20.4.2. Cùng một thành viên của đội trong cùng một trận đấu tái phạm lỗi vô lễ thì bị phạt lỗi nặng hơn. Thành viên của đội mỗi lần phạm lỗi vô lễ tiếp theo thì bị phạt nặng hơn.
- 20.4.3. Đuổi ra sân và truất quyền thi đấu do phạm lỗi xúc phạm hoặc gây gỗ thì không cần đã bị phạt trước.

20.5. Phạm lỗi thái độ hành vi xấu trước và giữa các hiệp đấu

Phạm bất kỳ lỗi thái độ hành vi xấu nào trước hoặc giữa các hiệp đấu trên đều bị phạt theo Điều 20.3 và xử phạt trong hiệp tiếp theo.

20.6. Thẻ phạt lỗi

Nhắc nhở: Bằng miệng hoặc hiệu tay, không dùng thẻ (Điều 21.1).

Phạt lỗi: Thẻ vàng (Điều 20.3.1)

Đuổi ra sân: Thẻ đỏ (Điều 20.3.2)

Truất quyền thi đấu: Thẻ vàng + Thẻ đỏ kẹp cùng nhau (Điều 21.3.3).

Phần II. TRỌNG TÀI

CHƯƠNG VII

TRỌNG TÀI, QUYỀN HẠN, TRÁCH NHIỆM VÀ HIỆU TAY CHÍNH THỨC

Điều 21. Tổ Trọng tài và thủ tục

21.1. Thành phần Tổ trọng tài điều khiển trận đấu gồm

- Trọng tài thứ nhất.
- Trọng tài thứ hai.
- Thư ký.
- Hai giám biên.

21.2. Thủ tục

21.2.1. Chỉ trọng tài thứ nhất và trọng tài thứ hai được thổi còi trong trận đấu.

21.2.1.1. Trọng tài thứ nhất ra hiệu lệnh cho phát bóng bắt đầu pha bóng.

21.2.1.2. Trọng tài thứ nhất và thứ hai ra hiệu kết thúc một pha bóng với điều kiện họ biết rõ phạm lỗi và lỗi gì.

21.2.2. Khi bóng ngoài cuộc, hai trọng tài có thể thổi còi chỉ rõ cho phép hoặc từ chối yêu cầu của một đội.

21.2.3. Ngay sau khi thổi còi ra hiệu kết thúc pha bóng, trọng tài phải ra hiệu tay chính thức.

21.2.3.1. Nếu trọng tài thứ nhất thổi còi bắt lỗi phải chỉ rõ:

- a) Đội được phát bóng.
- b) Tên lỗi.
- c) Vận động viên phạm lỗi (nếu cần).

Trọng tài thứ hai ra hiệu tay như của trọng tài thứ nhất.

21.2.3.2. Nếu trọng tài hai thổi còi bắt lỗi phải chỉ rõ:

- a) Tên lỗi.
- b) Vận động viên phạm lỗi (nếu cần).
- c) Đội được phát bóng, ra hiệu tay như trọng tài thứ nhất.

Trong trường hợp này, trọng tài thứ nhất không chỉ rõ tên lỗi, vận động viên phạm lỗi và chỉ đội phát bóng.

- 21.2.3.3. Trường hợp cùng phạm lỗi, cả hai trọng tài chỉ:
- a) Tên lỗi
 - b) Vận động viên phạm lỗi (nếu cần).
 - c) Trọng tài thứ nhất chỉ đội được phát bóng.

Điều 22. Trọng tài thứ nhất

22.1. Vị trí (Hình 8)

Khi làm nhiệm vụ, trọng tài thứ nhất ngồi hoặc đứng trên ghế trọng tài đặt ở một đầu lưới, tầm nhìn phải cao hơn mép trên của lưới 50cm.

22.2. Quyền hạn

- 22.2.1. Trọng tài thứ nhất điều khiển trận đấu từ đầu đến cuối, có quyền hạn với tất cả các trọng tài và mọi thành viên của hai đội.

Trong trận đấu, quyết định của trọng tài thứ nhất là tuyệt đối. Trọng tài thứ nhất có quyền xoá bỏ các quyết định của các trọng tài khác nếu thấy sai lầm.

Trọng tài thứ nhất có thể thay trọng tài nếu họ không hoàn thành nhiệm vụ.

- 22.2.2. Trọng tài thứ nhất kiểm tra công việc của người nhặt bóng, lau sàn (kể cả lau nhanh).

- 22.2.3. Trọng tài thứ nhất có quyền quyết định bất cứ việc gì liên quan đến thi đấu, kể cả những vấn đề luật không quy định.

- 22.2.4. Trọng tài thứ nhất không cho phép bất cứ tranh luận nào về quyết định của mình.

Tuy vậy, với đề nghị của đội trưởng trên sân, trọng tài thứ nhất cần giải thích về đề nghị đó hoặc làm sáng tỏ luật về những quyết định của mình.

Nếu đội trưởng trên sân không nhất trí với giải thích của trọng tài thứ nhất và muốn khiếu nại về quyết định đó, thì anh ta phải ngay lập tức xin phép ghi khiếu nại đó vào lúc kết thúc thi đấu. Trọng tài thứ nhất phải cho phép đội trưởng làm điều này.

- 22.2.5. Trọng tài thứ nhất chịu trách nhiệm quyết định trước, trong thi đấu về sân bãi, trang bị và các điều kiện phục vụ cho thi đấu.

22.3. Trách nhiệm

- 22.3.1. Trước thi đấu, trọng tài thứ nhất phải:

- 22.3.1.1. Kiểm tra sân bãi, bóng và các thiết bị thi đấu.

- 22.3.1.2. Thực hiện cho hai đội trưởng bắt thăm.

- 22.3.1.3. Kiểm tra khởi động của các đội.

- 22.3.2. Trong trận đấu, chỉ trọng tài thứ nhất có quyền:

- 22.3.2.1 Nhắc nhở cảnh cáo các đội.
- 22.3.2.2. Phạt lỗi thái độ, hành vi xấu và lỗi tri hoãn.
- 22.3.2.3. Quyết định:
- a- Các lỗi của người phát bóng, lỗi sai vị trí của đội phát bóng kể cả hàng rào che bóng.
 - b- Các lỗi đánh bóng.
 - c- Các lỗi ở lưới và phần trên lưới.
 - d- Các lỗi tấn công của vận động viên trong khu tấn công 2m, của vận động viên hàng sau.
 - e- Bóng qua không gian dưới lưới.
 - g- Hoàn thành chắn bóng của vận động viên hàng sau.
- 22.3.3. Hết trận đấu, trọng tài thứ nhất phải ký vào biên bản thi đấu.

Điều 23. Trọng tài thứ hai

- 23.1. Vị trí (Hình 8)
- Khi làm nhiệm vụ trọng tài thứ hai đứng bên ngoài sân gần cột lưới đối diện trước mặt trọng tài thứ nhất.
- 23.2. Quyền hạn

- 23.2.1. Trọng tài thứ hai là người trợ giúp trọng tài thứ nhất, nhưng có phạm vi quyền hạn riêng của mình.
- Khi trọng tài thứ nhất không thể tiếp tục công việc, trọng tài thứ hai có thể thay thế.
- 23.2.2. Trọng tài thứ hai có thể không thổi còi, được ra hiệu về những lỗi ngoài phạm vi quyền hạn của mình, nhưng không được cố tình khẳng định những kết luận đó với trọng tài thứ nhất.
- 23.2.3. Trọng tài thứ hai kiểm soát công việc của thư ký.
- 23.2.4. Trọng tài thứ hai giám sát tư cách của các thành viên mỗi đội ngồi ở ghế của đội và báo cáo lỗi của họ cho trọng tài thứ nhất.
- 23.2.5. Trọng tài thứ hai kiểm soát các vận động viên trong khu khởi động.
- 23.2.6. Trọng tài thứ hai có quyền cho tạm ngừng, kiểm soát thời gian và từ chối những yêu cầu không hợp lệ.
- 23.2.7. Kiểm tra số lần hội ý và thay người của mỗi đội, báo cho trọng tài thứ nhất và các huấn luyện viên biết đã hội ý 2 lần và thay 4 và 5 lần người.

- 23.2.8. Trong trường hợp có vận động viên bị thương, trọng tài thứ hai có quyền cho phép thay người ngoại lệ hoặc cho 3 phút hồi phục.
- 23.2.9. Trọng tài thứ hai trong thời gian thi đấu kiểm tra các điều kiện của mặt sân, chủ yếu là khu trước và xem bóng có đủ điều kiện thi đấu không.
- 23.2.10. Trọng tài thứ hai kiểm tra các thành viên của hai đội trong khu phạt và báo cáo các lỗi của họ cho trọng tài thứ nhất biết.

23.3. Trách nhiệm

- 24.3.1. Khi bắt đầu mỗi hiệp, đội sân ở hiệp quyết thắng và bất cứ lúc nào cần thiết, trọng tài thứ hai phải kiểm tra vị trí vận động viên trên sân xem có đúng phiếu báo vị trí hay không.
- 23.3.2. Trong thi đấu, trọng tài thứ hai phải quyết định, thổi còi và ra hiệu:
 - 23.3.2.1. Xâm nhập sân đối phương và phần không gian dưới lưới.
 - 23.3.2.2. Các lỗi vị trí của đội đỡ phát bóng.
 - 23.3.2.3. Các lỗi chạm phần dưới của lưới hoặc chạm cột ăngten bên phía sân trọng tài đứng.
 - 23.3.2.4. Các lỗi đập bóng của vận động viên, lỗi hoàn thành chắn bóng của vận động viên hàng sau.

23.3.2.5. Bóng chạm vật ngoài sân.

23.3.2.6. Bóng chạm sân khi trọng tài thứ nhất ở vị trí khó nhìn thấy.

23.3.2.7. Bóng bay qua toàn bộ hoặc một phần bay qua bên ngoài lưới sang sân đối phương hoặc chạm cọc giới hạn phía trọng tài đứng.

23.3.3. Kết thúc trận đấu, trọng tài thứ hai ký vào biên bản thi đấu.

Điều 24. Trọng tài thư ký

24.1. Vị trí (Hình 8)

Thư ký ngồi ở bàn thư ký phía đối diện, mặt quay về trọng tài thứ nhất để làm nhiệm vụ của mình.

24.2. Trách nhiệm

Thư ký giữ biên bản thi đấu theo luật, phối hợp với trọng tài thứ hai.

Theo trách nhiệm của mình, thư ký sử dụng chuông điện hoặc dụng cụ phát âm thanh khác để ra hiệu cho các trọng tài.

24.2.1. Trước mỗi trận đấu và mỗi hiệp, thư ký phải:

24.2.1.1. Ghi chép các số liệu về trận đấu và các đội theo đúng thủ tục và lấy chữ ký của huấn luyện viên, đội trưởng.

24.2.1.2. Ghi đội hình thi đấu của mỗi đội theo phiếu báo vị trí.

Nếu không nhận được phiếu báo vị trí đúng thời gian quy định, thư ký phải báo ngay với trọng tài thứ hai.

24.2.2. Trong trận đấu, thư ký phải:

24.2.2.1. Ghi điểm đã đạt được của mỗi đội.

24.2.2.2. Kiểm tra thứ tự phát bóng của mỗi đội và báo lỗi cho trọng tài ngay sau khi phát bóng.

24.2.2.3. Sử dụng chuông để thông báo đề nghị thay người, ghi chép số lần tạm ngừng hội ý và thay người, kiểm tra số áo vận động viên và báo cáo cho trọng tài thứ hai.

24.2.2.4. Thông báo với trọng tài về yêu cầu ngừng trận đấu không hợp lệ.

24.2.2.5. Báo cho trọng tài kết thúc hiệp đấu và khi đến điểm 8 của hiệp quyết thắng.

24.2.2.6. Ghi lại mọi lỗi phạt và đề nghị không hợp lệ.

24.2.2.7. Ghi lại tất cả các sự việc khác theo hướng dẫn của trọng tài thứ hai như thay người ngoại lệ; thời gian hồi phục chấn thương; các gián đoạn kéo dài thi đấu, sự can thiệp từ bên ngoài.v.v.

24.2.2.8. Kiểm soát thời gian giữa các hiệp đấu.

24.2.3. Kết thúc thi đấu, thư ký phải:

24.2.3.1. Ghi kết quả cuối cùng của thi đấu.

24.2.3.2. Trường hợp có khiếu nại, khi được phép của trọng tài thứ nhất thì tự mình viết hoặc cho đội trưởng viết nội dung khiếu nại vào biên bản.

24.2.3.3. Ký vào biên bản, lấy chữ ký của hai đội trưởng và của các trọng tài.

Điều 25. Giám biên

25.1. Vị trí (Hình 8)

Khi trận đấu chỉ có hai giám biên thì mỗi giám biên đứng trên đường chéo sân ở hai góc sân gần nhất bên tay phải của mỗi trọng tài và cách góc sân 1- 2m.

Mỗi giám biên kiểm soát một đường biên dọc và một đường biên ngang thuộc phía sân của mình.

Mỗi giám biên đứng ở khu tự do cách mỗi góc sân 1-3m trên đường kéo dài tường tượng của đường biên mình phụ trách.

25.2. Trách nhiệm

25.2.1. Các giám biên thực hiện chức năng của mình bằng sử dụng lá cờ (40 x 40 cm) làm ký hiệu.

- 25.2.1.1. Làm ký hiệu bóng trong và ngoài sân khi bóng chạm sân gần đường biên của mình.
 - 25.2.1.2. Làm ký hiệu bóng chạm vào đội đỡ bóng ra ngoài.
 - 25.2.1.3. Làm ký hiệu đỡ bóng chạm cột ăng ten, bóng phát đi ngoài khoảng không bóng qua của lưới.v.v.
 - 25.2.1.4. Làm ký hiệu bất kỳ cầu thủ nào trên sân (trừ vận động viên phát bóng) lúc phát bóng ra ngoài sân của mình.
 - 25.2.1.5. Làm ký hiệu vận động viên phát bóng giẫm vạch.
 - 25.2.1.6. Làm ký hiệu khi có vận động viên chạm ăngten trong lúc đánh bóng hoặc làm cản trở thi đấu ở phía bên sân của mình phụ trách.
 - 25.2.1.7. Làm ký hiệu khi bóng qua lưới ngoài không gian bóng qua trên lưới sang sân đối phương hoặc bóng chạm ăngten thuộc phía sân giám biên kiểm soát.
- Khi trọng tài thứ nhất yêu cầu, giám biên phải làm lại ký hiệu của mình.

Điều 26. Hiệu tay chính thức

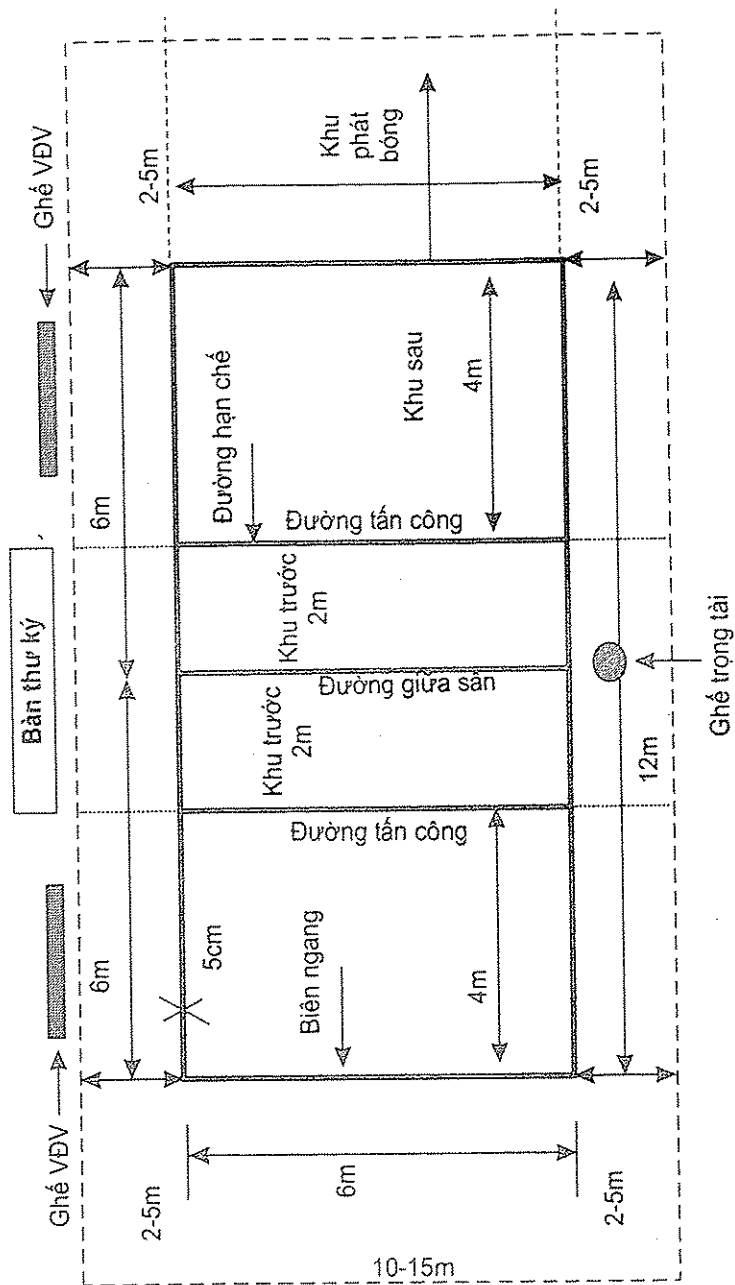
26.1. Hiệu tay của trọng tài (Hình 9)

Trọng tài phải dùng hiệu tay chính thức chỉ rõ lý do thổi còi bắt lỗi (tên lỗi bị bắt hoặc mục đích cho phép ngừng thi đấu). Phải giữ hiệu tay trong một thời gian và nếu ra hiệu bằng một tay, thì tay đó chỉ về phía đội phạm lỗi hoặc yêu cầu.

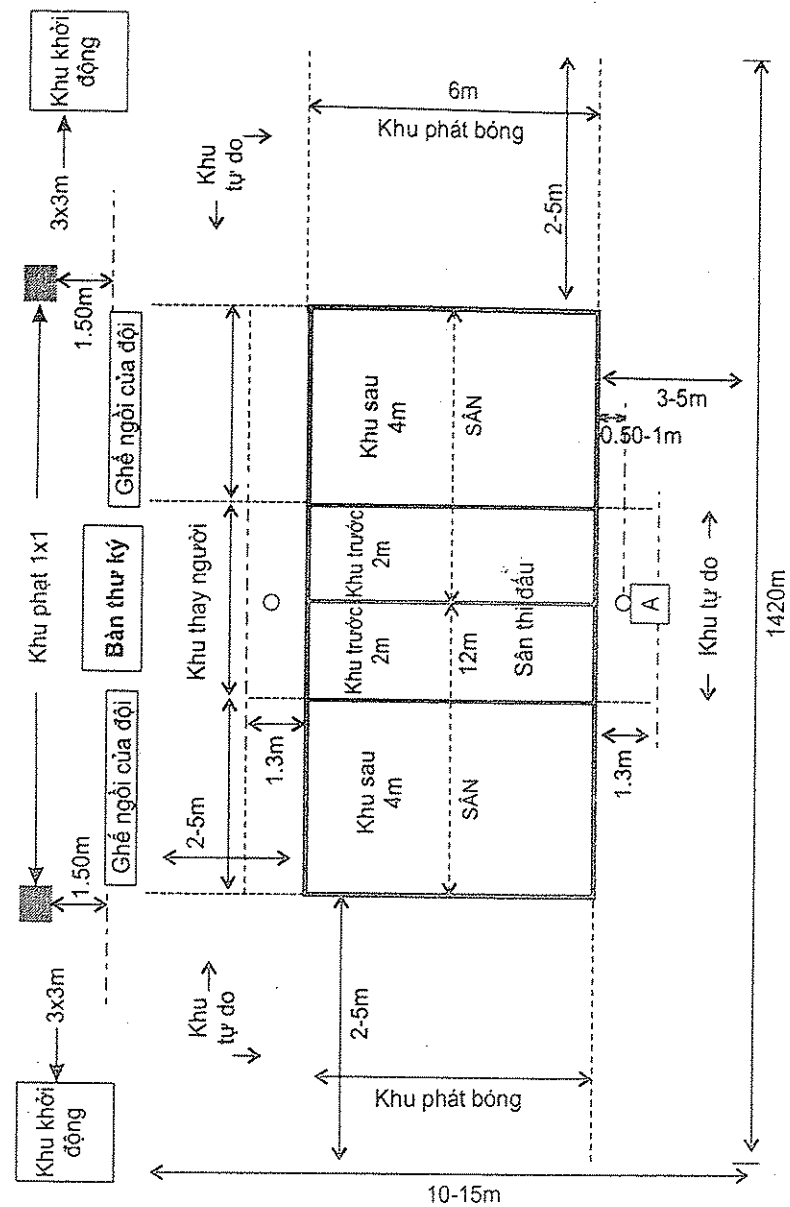
26.2. Hiệu cờ của giám biên (Hình 10)

Giám biên phải dùng hiệu cờ chính thức biểu thị tên của lỗi và phải giữ ký hiệu trong một khoảng thời gian.

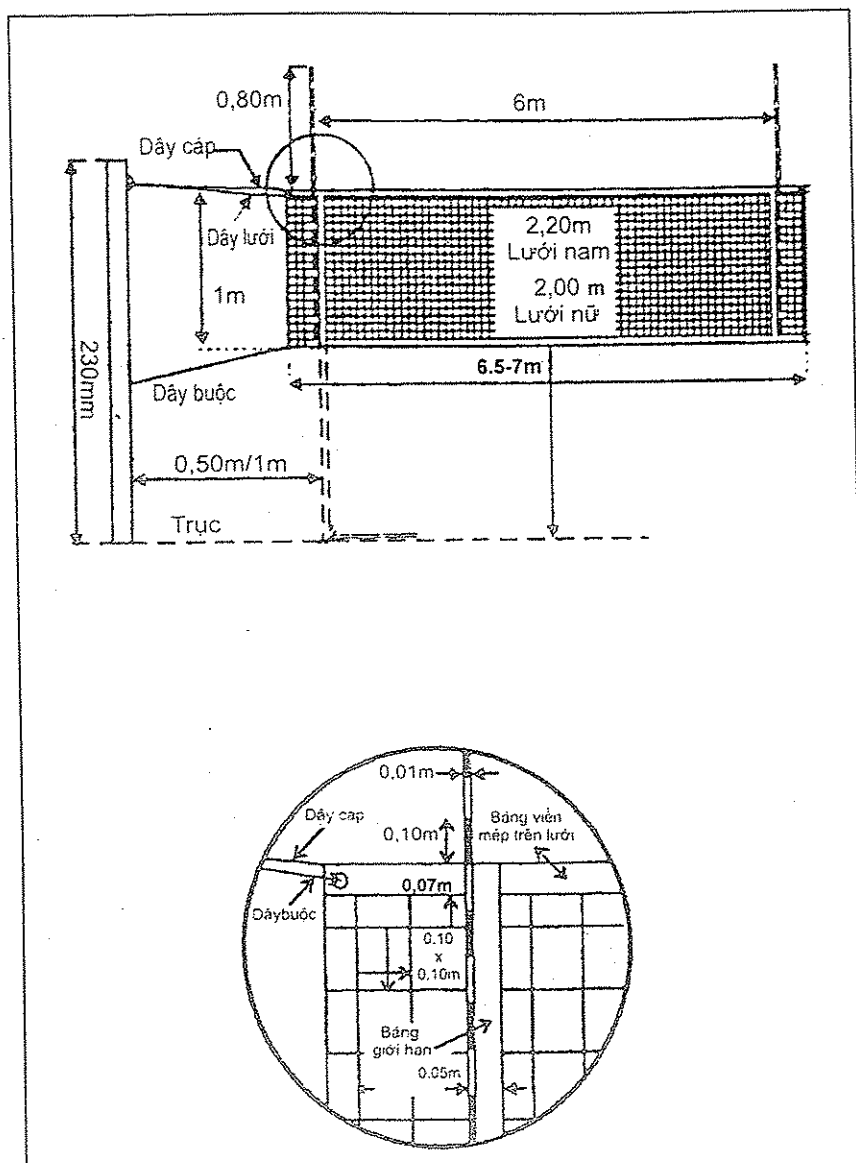
Hình 1. Kích thước khâu thi đấu



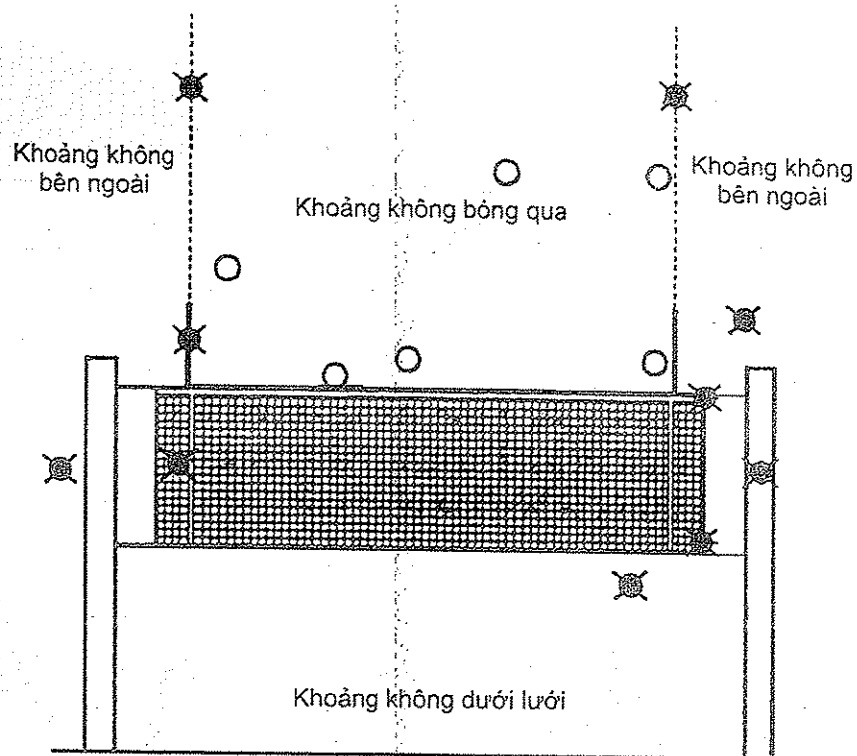
Hình 2. Khu thí dầu



Hình 3. Lưới và cột lưới

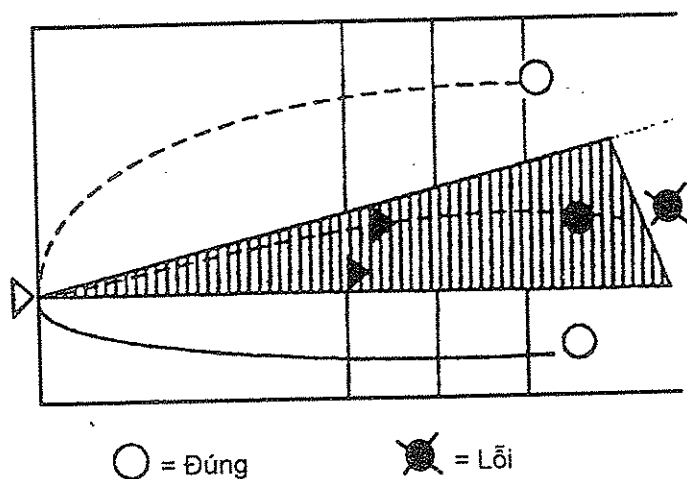


Hình 4. Khoảng không bóng qua mặt phẳng phía trên của lưới sang sân đối phương

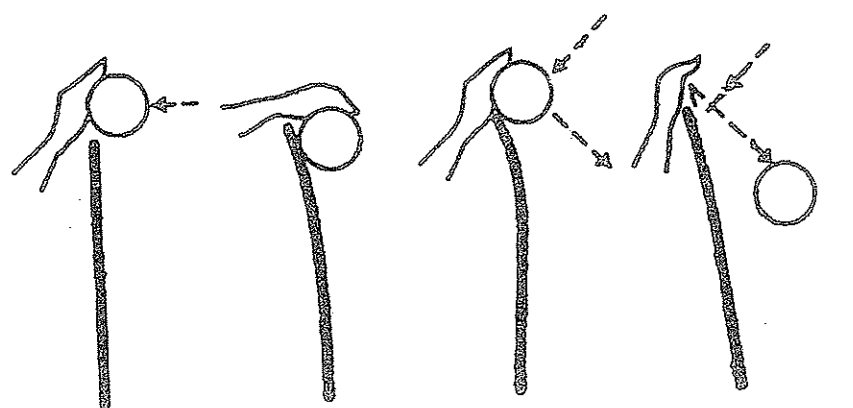


- ⊗ = Lỗi
- = Bóng qua không phạm lỗi

Hình 5. Hàng rào tập thể che phát bóng



Hình 6. Hoàn thành chặn bóng



Bóng trên lưới Bóng dưới mép trên của lưới Bóng chạm lưới Bóng nảy ra từ lưới

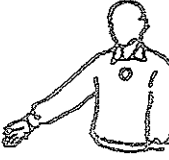
Hình 7. Mức phạt lỗi thái độ, hành vi xấu

Loại lỗi	Thứ tự mắc lỗi	Người phạm lỗi	Xử phạt	Thẻ phạt	Hậu quả
VÔ LỄ	* Lần thứ nhất	Bất kỳ thành viên nào	Phạt lỗi	Thẻ vàng	Một điểm và phát bóng cho đối phương
	* Lần thứ hai	Cùng một thành viên	Đuổi ra sân	Thẻ đỏ	Phải rời khỏi sân, ngồi trên ghế phạt đến hết hiệp
	* Lần thứ ba	Cùng một thành viên	Truất quyền thi đấu	Thẻ đỏ + Thẻ vàng	Phải rời khỏi khu vực thi đấu cho đến hết trận
XÚC PHẠM	* Lần thứ nhất	Bất kỳ thành viên nào	Đuổi ra sân	Thẻ đỏ	Phải rời khỏi sân, ngồi trên ghế phạt đến hết
	* Lần thứ hai	Cùng một thành viên	Truất quyền thi đấu	Thẻ đỏ + Thẻ vàng	Phải rời khỏi khu vực thi đấu cho đến hết trận
GÂY GỖ	* Lần thứ nhất	Bất kỳ thành viên nào	Truất quyền thi đấu	Thẻ đỏ + Thẻ vàng	Phải rời khỏi khu vực thi đấu cho đến hết trận
MỨC PHẠT LỖI TRÌ HOÃN					
TRÌ HOÃN	* Lần thứ nhất	Bất kỳ thành viên nào của đội	Cảnh cáo trì hoãn	Hiệu tay 25 không dùng thẻ	Ngăn chặn – không phạt
	* Lần thứ hai (và những lần tiếp theo)	Bất kỳ thành viên nào của đội	Phạt trì hoãn	Hiệu tay 25 và thẻ vàng	Một điểm và phát bóng cho đối phương

L = Lau san

73

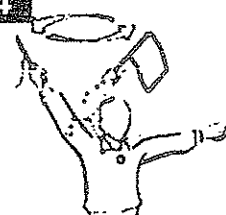
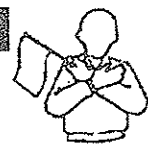
5 	Thay người Hai cánh tay để ngang trước ngực quay vòng tròn quanh nhau	Trọng tài 1 Trọng tài 2
6 	Phạt lỗi thái độ hành hành vi xấu Giơ thẻ vàng để xử phạt	Trọng tài 1
7 	Đuổi ra sân Giơ thẻ đỏ để đuổi ra khỏi sân	Trọng tài 1
8 	Truất quyền thi đấu Giơ hai thẻ vàng – đỏ để truất quyền trận đấu	Trọng tài 1
9 	Kết thúc hiệp hoặc trận đấu Đặt chéo 2 tay trước ngực, bàn tay mở hướng vào trong	Trọng tài 1 Trọng tài 2

10 	Không tung bóng hoặc bóng không rời tay khi phát bóng Nâng cánh tay duỗi thẳng, lòng bàn tay hướng lên cao	Trọng tài 1
11 	Kéo dài thời gian phát bóng Giơ hai bàn tay lên cao, xòe rộng 8 ngón	Trọng tài 1
12 	Lỗi chắn bóng hoặc hàng rào che Giơ 2 cánh tay thẳng lên cao, lòng bàn tay hướng về phía trước	Trọng tài 1 Trọng tài 2
13 	Lỗi sai vị trí hoặc quay vòng Dùng ngón trỏ vẽ một vòng tròn ngang trước thắt lưng	Trọng tài 1 Trọng tài 2
14 	Bóng “trong” Chỉ thẳng tay xuống phía sân bóng rổ	Trọng tài 1 Trọng tài 2

	15 Bóng “ngoài” Đưa 2 cẳng tay thẳng đứng hất ra phía sau, lòng bàn tay hướng ra sau	Trọng tài 1 Trọng tài 2
	16 Dính bóng Đưa cẳng tay ra phía trước, lòng bàn tay ngửa gấp khuỷu tay hướng lên phía trên	Trọng tài 1
	17 Chạm bóng 2 lần Đưa hai ngón tay mở lên phía trên	Trọng tài 1
	18 Chạm bóng 4 lần Giơ bàn tay lên xòe rộng 4 ngón tay	Trọng tài 1
	19 Vận động viên chạm lưới. Phát bóng chạm không qua lưới Đặt bàn tay cách mép trên của lưới	Trọng tài 1 Trọng tài 2

	20 Qua tay trên lưới Đặt bàn tay úp phía trên lưới. Lỗi tấn công hàng sau Gập cánh tay từ trên cao xuống, lòng bàn tay úp.	Trọng tài 1
	21 Xâm nhập sân đối phương hoặc bóng qua không gian dưới lưới hoặc VĐV phát bóng chạm sân (đường biên ngang) hoặc VĐV đứng ở ngoài sân tại thời điểm VĐV phát bóng đánh chạm bóng Chỉ ngón tay trở vào đường giữa sân	Trọng tài 1 Trọng tài 2
	22 Hai đội cùng bị lỗi, đánh lại Đưa hai ngón tay cái lên ngang nhau	Trọng tài 1
	23 Bóng chạm tay Giơ tay lên cao, đặt lòng 1 bàn tay lên các ngón bàn tay kia	Trọng tài 1 Trọng tài 2
	24 Nhắc nhở lỗi tri hoãn trận đấu Phạt tri hoãn trận đấu Đặt đầu các ngón tay vào cổ tay kia (nhắc nhở) hoặc đặt thẻ vàng (phạt lỗi)	Trọng tài 1

Hình 10. Hiệu cờ chính thức của giám biên

Hình vẽ và giải thích ký hiệu	Nội dung ký hiệu	Người thực hiện
1 	Bóng "trong" Hạ cờ xuống	Giám biên
2 	Bóng "ngoài" Giơ cờ lên thẳng đứng	Giám biên
3 	Bóng chạm Nâng cờ lên và đặt lòng bàn tay kia lên trên	Giám biên
4 	Bóng ngoài phần không gian bóng qua hoặc lỗi phát bóng giảm vạch Phát cờ trên đầu và chỉ vào cột ăng-ten hoặc đường cuối sân	Giám biên
5 	Phán đoán không chắc chắn (không xác định) Đặt cờ và cánh tay chéo trước ngực	Giám biên

MỤC LỤC

	Trang
PHẦN I. THI ĐẤU	6
Chương I. Sân bãi và dụng cụ thi đấu	6
Chương II. Những người tham gia	12
Chương III. Thể thức thi đấu	18
Chương IV. Hoạt động thi đấu	26
Chương V. Ngừng và kéo dài trận đấu	41
Chương VI. Hành vi của vận động viên	49
PHẦN II. TRỌNG TÀI	54
Chương VII. Trọng tài, quyền hạn, trách nhiệm và hiệu tay chính thức	54